

Số: *4119*/2015/QĐ-UBND

Quảng Ninh, ngày *22* tháng 12 năm 2015

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định về trình tự, thủ tục đầu tư các chương trình,  
dự án đầu tư công trên địa bàn tỉnh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;  
Căn cứ Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13; Luật Xây dựng số 50/2014/QH13;  
Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Văn bản số 3482/BXD-HĐXD ngày 30/12/2014 của Bộ Xây dựng V/v thực hiện Luật Xây dựng số 50/2014/QH13;


Căn cứ Văn bản số 1101/BKHĐT- TH ngày 02/3/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư V/v hướng dẫn phê duyệt chủ trương đầu tư và quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư công;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại tờ trình số 1698/KHĐT-CNDV ngày 15/7/2015,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về trình tự, thủ tục đầu tư các chương trình, dự án đầu tư công trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký. Các quy định trong lĩnh vực đầu tư sử dụng vốn Ngân sách nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh trái với nội dung quy định tại quyết định này đều bãi bỏ.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. 

**Nơi nhận:**

- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành;
- UBND các địa phương;
- V0-4, Các CV THVPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, XD4.

40b-QĐ8-02

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Đức Long**

## **QUY ĐỊNH**

### **Trình tự thủ tục đầu tư các Chương trình đầu tư công, Dự án đầu tư công trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 4119/2015/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2015  
của UBND tỉnh Quảng Ninh)*

#### **Chương I**

#### **QUY ĐỊNH CHUNG**

##### **Điều 1. Đối tượng, phạm vi điều chỉnh.**

1. Quy định này hướng dẫn chi tiết về trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình đầu tư công, Dự án đầu tư công; lập, thẩm định, phê duyệt Quyết định đầu tư dự án đầu tư công và trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch đầu tư công trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh theo Luật đầu tư công số 49/2014/QH13; Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 và các văn bản hướng dẫn của Chính phủ, các Bộ, Ngành.

2. Các Chương trình, Dự án đầu tư trong Quy định này là các Chương trình, Dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, do địa phương quản lý, sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ, vốn trái phiếu chính quyền địa phương, vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài, vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước, các khoản vốn vay khác của ngân sách địa phương để đầu tư.

3. Những nội dung không nêu trong Quy định này, thực hiện theo Luật đầu tư công số 49/2014/QH13, Luật Xây dựng số 50/2014/QH13, Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng và các Văn bản số 3482/BXD-HĐXD ngày 30/12/2014 của Bộ Xây dựng V/v thực hiện Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 và Văn bản số 1101/BKHĐT-TH ngày 02/3/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư V/v hướng dẫn phê duyệt chủ trương đầu tư và quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư công.

##### **Điều 2. Điều kiện quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư Chương trình đầu tư công, Dự án đầu tư công.**

Quyết định chủ trương đầu tư và quyết định đầu tư Chương trình đầu tư công, Dự án đầu tư công phải đảm bảo các yêu cầu sau:

1. Phù hợp với chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Bảo đảm hiệu quả kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và phát triển bền vững, tránh thất thoát, lãng phí.

2. Không trùng lặp với các Chương trình, Dự án đã có quyết định chủ trương đầu tư hoặc đã có quyết định đầu tư.

3. Phù hợp với khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công và khả năng huy động các nguồn vốn khác đối với các Chương trình, Dự án sử dụng nhiều nguồn vốn. Phù hợp với khả năng vay, trả nợ chính quyền địa phương.

4. Việc quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án khẩn cấp là nhằm khắc phục kịp thời các sự cố thiên tai, tâm họa và các trường hợp bất khả kháng khác.

5. Ưu tiên thực hiện đầu tư theo hình thức đối tác công tư đối với các dự án có khả năng thu hồi vốn.

6. Trường hợp địa phương được giao làm chủ Chương trình, Dự án do Bộ, Ngành, Chính phủ, Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư thì thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định của Luật Đầu tư công.

### **Điều 3. Thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư Chương trình, Dự án đầu tư công.**

Trừ các Chương trình, Dự án thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ ngành Trung ương quy định tại khoản 1,2,3,4 Điều 17 Luật Đầu tư công; Hội đồng nhân dân các cấp quyết định chủ trương đầu tư Chương trình, Dự án sau đây:

1. Chương trình đầu tư bằng toàn bộ vốn cân đối ngân sách địa phương, vốn trái phiếu chính quyền địa phương, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương thuộc thẩm quyền quyết định của cấp mình và các khoản vốn vay khác của ngân sách địa phương để đầu tư (sau đây gọi tắt là vốn ngân sách địa phương);

2. Dự án nhóm B và dự án trọng điểm nhóm C thuộc cấp mình quản lý, trừ các dự án quy định tại khoản 1,2,3,4 Điều 17 Luật Đầu tư công.

3. Dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn ngân sách Trung ương, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ thuộc cấp mình quản lý (sau đây gọi tắt là vốn Trung ương).

4. Ủy ban nhân dân các cấp quyết định chủ trương đầu tư Dự án thuộc cấp mình quản lý, trừ các Dự án quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều này.

5. Việc phân loại dự án thực hiện theo quy định tại Điều 7,8,9,10 Luật Đầu tư công. Riêng tiêu chí dự án trọng điểm nhóm C trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định tại Nghị quyết số 204/2015/NQ-HĐND ngày 15/7/2015 của Hội đồng nhân dân Tỉnh khóa XII - Kỳ họp thứ 21.

### **Điều 4. Chủ Chương trình đầu tư công, chủ đầu tư Dự án đầu tư công.**

1. Chủ Chương trình đầu tư công, chủ đầu tư Dự án đầu tư công thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Hội đồng nhân dân tỉnh:

a) Đối với Chương trình đầu tư công, chủ Chương trình là Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Đối với Dự án đầu tư công, chủ đầu tư là các Ban quản lý dự án chuyên ngành hoặc các Sở, Ban, Ngành trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Chủ Chương trình đầu tư công, chủ đầu tư Dự án đầu tư công thuộc thẩm quyền quyết định chủ chương đầu tư của Hội đồng nhân dân cấp huyện.

a) Đối với Chương trình đầu tư công, chủ Chương trình là Ủy ban nhân dân cấp huyện.

b) Đối với Dự án đầu tư công, chủ đầu tư là Ban quản lý dự án công trình, các Phòng, Ban trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã.

3. Chủ Chương trình đầu tư công, chủ đầu tư Dự án đầu tư công thuộc thẩm quyền quyết định chủ chương đầu tư của Hội đồng nhân dân cấp xã, chủ Chương trình đầu tư công, chủ đầu tư Dự án đầu tư công là Ủy ban nhân dân cấp xã. Ban quản lý dự án công trình hoặc Phòng, Ban chuyên ngành trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện tư vấn quản lý dự án.

## Chương II

### TRÌNH TỰ THỦ TỤC LẬP, THẨM ĐỊNH, QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ CHƯƠNG TRÌNH ĐẦU TƯ CÔNG, DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG

**Điều 5. Lập, thẩm định và quyết định chủ trương đầu tư Chương trình đầu tư; Dự án nhóm B, Dự án trọng điểm nhóm C sử dụng toàn bộ vốn ngân sách địa phương thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân các cấp.**

Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư Chương trình đầu tư công; Dự án đầu tư nhóm B, Dự án trọng điểm nhóm C sử dụng toàn bộ vốn ngân sách địa phương, thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân các cấp thực hiện theo Điều 29 Luật Đầu tư công, cụ thể như sau:

1. Đối với Chương trình đầu tư công, Dự án đầu tư công thuộc thẩm quyền quyết định chủ chương đầu tư của Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao cho một tổ chức, đơn vị trực thuộc UBND tỉnh hoặc đơn vị có nhu cầu đầu tư có đủ điều kiện, năng lực lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn. Cơ quan được giao chuẩn bị Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư hoàn chỉnh Báo cáo theo kết quả thẩm định, gửi lại Sở Kế hoạch và Đầu tư để báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư.

2. Đối với Chương trình đầu tư công, Dự án đầu tư công thuộc thẩm quyền quyết định chủ chương đầu tư của HĐND cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp huyện giao cho một đơn vị trực thuộc UBND cấp huyện hoặc UBND cấp xã lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư. Giao Phòng tài chính - Kế hoạch chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn. Cơ quan được giao chuẩn bị Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư hoàn chỉnh Báo cáo theo kết quả thẩm định, gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch để báo cáo UBND cấp huyện trình HĐND cấp huyện quyết định chủ trương đầu tư.

3. Đối với Chương trình đầu tư công, Dự án đầu tư công thuộc thẩm quyền quyết định chủ chương đầu tư của HĐND cấp xã, Chủ tịch UBND cấp xã giao bộ phận chuyên môn lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư và tổ chức thẩm định Báo cáo đề xuất chủ

trương đầu tư. Cơ quan được giao chuẩn bị Báo cáo theo kết quả thẩm định gửi UBND cấp xã để trình HĐND cấp xã quyết định chủ trương đầu tư.

**Điều 6. Chủ trương đầu tư dự án nhóm C sử dụng vốn ngân sách địa phương, thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân các cấp.**

Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm C sử dụng vốn ngân sách địa phương, thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện theo Điều 30 Luật Đầu tư công, cụ thể như sau:

1. Đối với các dự án do UBND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư, Chủ tịch UBND tỉnh giao cho một tổ chức, đơn vị trực thuộc UBND tỉnh hoặc đơn vị có nhu cầu đầu tư có đủ điều kiện, năng lực lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn.

Cơ quan được giao chuẩn bị Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư hoàn chỉnh Báo cáo theo kết quả thẩm định gửi lại Sở Kế hoạch và Đầu tư để trình UBND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư.

2. Đối với dự án cấp huyện quản lý, Chủ tịch UBND cấp huyện giao cho một tổ chức, đơn vị trực thuộc UBND cấp huyện hoặc UBND cấp xã lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư. Phòng tài chính - Kế hoạch chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư.

Cơ quan được giao chuẩn bị Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư hoàn chỉnh Báo cáo theo kết quả thẩm định gửi lại Phòng Tài chính - Kế hoạch để trình UBND cấp huyện quyết định chủ trương đầu tư

3. Đối với dự án cấp xã quản lý, Chủ tịch UBND cấp xã giao bộ phận chuyên môn lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư và thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án.

Căn cứ ý kiến thẩm định của cơ quan thẩm định, cơ quan được giao chuẩn bị Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư hoàn chỉnh Báo cáo trình UBND cấp xã quyết định chủ trương đầu tư.

**Điều 7. Lập, thẩm định và quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B, nhóm C có sử dụng vốn Trung ương, do địa phương quản lý.**

Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B, nhóm C có sử dụng vốn Trung ương, do địa phương quản lý thực hiện theo Điều 27 Luật Đầu tư công, cụ thể như sau:

1. Đối với dự án nhóm B và dự án trọng điểm nhóm C có sử dụng vốn Trung ương, do HĐND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư:

a) Chủ tịch UBND tỉnh giao các tổ chức, đơn vị có đủ điều kiện, năng lực hoặc UBND cấp huyện lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư và giao Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn trước khi trình HĐND tỉnh cho ý kiến về Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư.

b) Sau khi HĐND tỉnh chấp thuận, UBND tỉnh gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư.

c) Sau khi có ý kiến thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư.

2. Đối với dự án nhóm B và dự án trọng điểm nhóm C có sử dụng vốn Trung ương do HĐND dân cấp huyện, cấp xã quyết định chủ trương đầu tư:

a) Chủ tịch UBND tỉnh giao UBND cấp huyện, UBND cấp xã lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư và trình HĐND cùng cấp cho ý kiến về Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư.

b) Sau khi HĐND cấp huyện, HĐND cấp xã có ý kiến chấp thuận, UBND cùng cấp gửi UBND tỉnh Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư. UBND tỉnh giao Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn trước khi gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư;

c) Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo cơ quan được giao lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư hoàn chỉnh Báo cáo theo ý kiến thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để theo dõi, tổng hợp.

d) UBND cấp huyện, UBND cấp xã trình HĐND cùng cấp quyết định chủ trương đầu tư; Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án do cấp huyện quản lý phải gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư muộn nhất sau 7 ngày làm việc để tổng hợp, theo dõi.

3. Đối với dự án nhóm C không thuộc quy định tại khoản 1, 2 điều này có sử dụng vốn Trung ương do UBND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư:

a) UBND tỉnh giao các tổ chức, đơn vị có đủ điều kiện, năng lực hoặc UBND cấp huyện lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư và giao Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn trước khi gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

b) Cơ quan lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư quy định tại điểm a khoản 3 Điều này có trách nhiệm hoàn chỉnh Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư theo ý kiến thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để trình UBND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư.

4. Đối với dự án nhóm C không thuộc quy định tại khoản 1, 2 điều này có sử dụng vốn Trung ương do UBND cấp huyện, cấp xã quyết định chủ trương đầu tư:

a) Chủ tịch UBND tỉnh giao UBND cấp huyện, UBND cấp xã lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, giao Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn trước khi gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

b) Cơ quan được giao lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư quy định tại điểm a khoản 4 Điều này có trách nhiệm hoàn chỉnh Báo cáo theo ý kiến thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư và gửi UBND cấp huyện, cấp xã quyết định chủ trương đầu tư; Quyết định phê duyệt chủ trương các dự án cấp huyện quản lý phải gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, theo dõi.

5. Nội dung Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình đầu tư công theo Điều 34; nội dung Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án nhóm B, nhóm C theo Điều 36 Luật Đầu tư công.

**Điều 8. Hồ sơ trình phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư Chương trình đầu tư công, Dự án đầu tư công.**

1. Đối với Chương trình đầu tư công, Dự án đầu tư công thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của HĐND các cấp:

- a. Tờ trình của UBND cùng cấp.
- b. Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư.
- c. Báo cáo thẩm định của cơ quan chủ trì thẩm định.
- d. Tài liệu khác có liên quan.

2. Đối với Chương trình đầu tư công, Dự án đầu tư công thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của UBND các cấp:

- a) Tờ trình của cơ quan chủ trì thẩm định.
- b) Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư.
- c) Tài liệu khác có liên quan.

3. Nội dung quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư gồm: Tên Chương trình, Dự án; địa điểm xây dựng công trình, mục tiêu đầu tư; quy mô đầu tư, dự kiến tổng mức và nguồn vốn đầu tư, thời gian, tiến độ thực hiện.

**Điều 9. Thời gian thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, thời gian thẩm định nguồn vốn, khả năng cân đối vốn và thời gian quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình đầu tư công, Dự án đầu tư công sử dụng vốn ngân sách địa phương.**

1. Thời gian thẩm định hồ sơ báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Chương trình đầu tư công không quá 20 ngày làm việc, kể từ ngày cơ quan thẩm định nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Thời gian HĐND, UBND các cấp xem xét phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình đầu tư công không quá 07 ngày làm việc, kể từ khi tiếp nhận đủ hồ sơ.

2. Thời gian thẩm định hồ sơ Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn đối với dự án đầu tư công không quá 15 ngày làm việc, kể từ ngày cơ quan thẩm định nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Thời gian HĐND, UBND các cấp xem xét phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án đầu tư công không quá 05 ngày làm việc, kể từ khi tiếp nhận đủ hồ sơ.

**Điều 10. Thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn với Chương trình đầu tư công, Dự án đầu tư công.**

1. Trừ các Chương trình, Dự án thuộc thẩm quyền của Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì thẩm định được quy định tại các khoản 1,2 Điều 38 Luật Đầu tư công, Chủ tịch UBND tỉnh giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên

quan thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn Chương trình đầu tư công, Dự án đầu tư công do địa phương quản lý theo quy định tại khoản 3 Điều 38 Luật Đầu tư công.

2. Chủ tịch UBND cấp huyện, UBND cấp xã tổ chức thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn Chương trình đầu tư công, Dự án đầu tư công thuộc cấp mình quản lý theo quy định tại Khoản 4 Điều 38 Luật Đầu tư công.

### **Chương III**

#### **LẬP, THẨM ĐỊNH, QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG**

##### **Điều 11. Lập dự án đầu tư xây dựng.**

1. Căn cứ chủ trương đầu tư đã được phê duyệt, Chủ tịch UBND giao cho một đơn vị làm chủ đầu tư được quy định tại Điều 4 Quy định này lập Dự án đầu tư xây dựng.

2. Chủ đầu tư lập Dự án đầu tư xây dựng theo quy định của Luật Xây dựng và Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng (sau đây gọi tắt là Nghị định số 59/2015/NĐ-CP), cụ thể như sau:

a. Dự án phải lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi là những dự án được quy định tại Khoản 2, Điều 52 Luật Xây dựng năm 2014; nội dung Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi theo quy định tại Điều 52 Luật Xây dựng năm 2014 và Khoản 2 Điều 7 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP.

b. Dự án phải lập Báo cáo nghiên cứu khả thi là những dự án được quy định tại Khoản 1, Điều 52 Luật Xây dựng năm 2014; nội dung Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi theo quy định tại Điều 54 Luật Xây dựng năm 2014.

c. Dự án chỉ lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng là những dự án được quy định tại Khoản 3, Điều 52 Luật Xây dựng 2014; nội dung Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng theo Điều 55 Luật Xây dựng 2014.

##### **Điều 12. Thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi.**

Thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi được thực hiện như quy định đối với thủ tục thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, tương ứng với từng loại, cấp công trình và cấp quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư.

##### **Điều 13. Thẩm quyền thẩm định dự án, thẩm định thiết kế cơ sở.**

1. Cơ quan chuyên môn thuộc các Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành chủ trì thẩm định toàn bộ nội dung của dự án nhóm A trở lên được đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh.

2. Các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành và Ban Quản lý khu Kinh tế chủ trì thẩm định toàn bộ nội dung của dự án nhóm B, C và Báo cáo kinh tế - kỹ thuật được đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh; cụ thể:

a) Sở Xây dựng chủ trì thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp vật liệu xây dựng, hạ tầng kỹ thuật đô thị.

b) Sở Công thương chủ trì thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình công nghiệp (trừ công trình công nghiệp vật liệu xây dựng).

c) Sở Giao thông Vận tải chủ trì thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông.

d) Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chủ trì thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn.

e) Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình ứng dụng khoa học và công nghệ.

f) Ban Quản lý khu kinh tế chủ trì thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình trong các khu công nghiệp và các dự án có sử dụng nguồn vốn Trung ương hỗ trợ phát triển các khu kinh tế trong tỉnh.

3. Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc UBND cấp huyện chủ trì thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng (dưới 15 tỷ, không bao gồm tiền sử dụng đất) đối với các công trình được đầu tư xây dựng trên địa bàn huyện do Chủ tịch UBND cấp huyện, UBND cấp xã quyết định đầu tư.

#### **Điều 14. Trình tự, nội dung thẩm định dự án, thẩm định thiết kế cơ sở.**

1. Chủ đầu tư lập Báo cáo nghiên cứu khả thi sau khi có quyết định phê duyệt chủ trương của cấp có thẩm quyền. Trình tự thẩm định dự án, thẩm định thiết kế cơ sở dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Điều 11, Nghị định số 59/2015/NĐ-CP.

Nội dung thẩm định dự án đầu tư gồm thẩm định thiết kế cơ sở và nội dung khác của Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng theo quy định tại Khoản 2, Điều 58, Luật Xây dựng.

2. Người quyết định đầu tư được mời tổ chức, cá nhân có chuyên môn, kinh nghiệm tham gia thẩm định dự án hoặc yêu cầu chủ đầu tư lựa chọn tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực hoạt động xây dựng, năng lực hành nghề xây dựng đã được đăng ký trên trang thông tin điện tử của Bộ Xây dựng, Sở Xây dựng để thẩm tra dự án làm cơ sở cho việc thẩm định, phê duyệt dự án. Chi phí thẩm tra, phí thẩm định dự án và thiết kế cơ sở được tính trong tổng mức đầu tư của dự án theo quy định tại Khoản 7, Điều 57, Luật Xây dựng.

3. Trong quá trình tổ chức thẩm định, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành chủ trì thẩm định lấy ý kiến tham gia thẩm định của các Sở, ban, ngành, địa phương liên quan theo chức năng, nhiệm vụ của các Sở, ban, ngành, địa phương liên quan tới dự án đầu tư xây dựng công trình.

4. Cơ quan chủ trì thẩm định có trách nhiệm tổng hợp kết quả thẩm định dự án, gửi báo cáo kết quả thẩm định về Sở Kế hoạch và Đầu tư chậm nhất sau 03 ngày có kết quả thẩm định để trình UBND tỉnh phê duyệt quyết định đầu tư; đồng thời thực hiện chức năng theo dõi, tổng hợp, phân bổ nguồn lực và giám sát đầu tư.

#### **Điều 15. Hồ sơ thẩm định, thời gian thẩm định dự án đầu tư xây dựng.**

1. Hồ sơ trình thẩm định dự án gồm phần thuyết minh và thiết kế cơ sở và các văn bản pháp lý có liên quan. Tờ trình thẩm định theo mẫu số 01 quy định tại phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 59/2015/NĐ-CP.

2. Chủ đầu tư căn cứ vào quy mô, loại dự án, cấp công trình gửi hồ sơ đến các cơ quan chủ trì thẩm định, cụ thể:

a) Đối với các dự án thuộc thẩm quyền chủ trì thẩm định của các cơ quan chuyên môn thuộc các Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, chủ đầu tư trực tiếp gửi hồ sơ đến cơ quan chuyên môn thuộc các Bộ chủ trì thẩm định.

b) Đối với các dự án thuộc thẩm quyền chủ trì thẩm định của các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành và Ban Quản lý khu Kinh tế, chủ đầu tư gửi hồ sơ đến Trung tâm hành chính công của Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc đến các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành để thẩm định (đối với các Sở chưa chuyển thủ tục hành chính công về Trung tâm hành chính công của tỉnh).

3. Thời gian thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình, kể từ ngày cơ quan, tổ chức thẩm định nhận đủ hồ sơ hợp lệ cụ thể như sau:

- a) Không quá 40 ngày đối với dự án nhóm A;
- b) Không quá 30 ngày đối với dự án nhóm B và dự án nhóm C trọng điểm;
- c) Không quá 20 ngày đối với dự án nhóm C và dự án chỉ cần lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng.

4. Hồ sơ trình thẩm định, thẩm quyền thẩm định và phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP.

#### **Điều 16. Thẩm quyền quyết định đầu tư, điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng.**

1. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định đầu tư, điều chỉnh dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C do cấp tỉnh quản lý đối với vốn ngân sách địa phương cấp tỉnh.

2. Chủ tịch UBND cấp huyện, UBND cấp xã quyết định đầu tư, điều chỉnh dự án nhóm B, nhóm C sử dụng toàn bộ vốn cân đối ngân sách địa phương cấp huyện, cấp xã, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương cấp huyện, cấp xã thuộc thẩm quyền HĐND cấp huyện, HĐND cấp xã quyết định.

3. Các trường hợp được điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo quy định tại Điều 61 Luật Xây dựng năm 2014 và Điều 14 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP. Việc điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng phải được thẩm định, phê duyệt.

#### **Điều 17. Lập thiết kế, dự toán sau thiết kế cơ sở.**

1. Các bước thiết kế xây dựng, thực hiện theo Điều 23, thi tuyển, tuyển chọn kiến trúc công trình xây dựng, thực hiện theo Điều 15 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP.

2. Căn cứ nội dung thiết kế cơ sở được phê duyệt, chủ đầu tư xác định nhiệm vụ thiết kế xây dựng; tự thực hiện thiết kế xây dựng khi có đủ điều kiện năng lực hoạt động, năng lực hành nghề phù hợp với loại, cấp công trình xây dựng hoặc lựa chọn nhà thầu

thiết kế xây dựng trong trường hợp không tự thực hiện thiết kế xây dựng, phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu và quy định của pháp luật có liên quan.

**Điều 18. Thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng sau thiết kế cơ sở.**

1. Thẩm quyền thẩm định, nội dung thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở và dự toán xây dựng, thực hiện theo Điều 24 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP.

2. Căn cứ vào quy mô, loại dự án, cấp công trình, chủ đầu tư gửi hồ sơ thẩm định đến các cơ quan thẩm định theo thẩm quyền:

a) Đối với các dự án thuộc thẩm quyền thẩm định của các cơ quan chuyên môn thuộc các Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, chủ đầu tư trực tiếp gửi hồ sơ đến cơ quan chuyên môn thuộc các Bộ để thẩm định.

b) Đối với các dự án thuộc thẩm quyền thẩm định của các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành trong tỉnh, chủ đầu tư gửi hồ sơ đến Trung tâm hành chính công của UBND tỉnh hoặc đến các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành để thẩm định (đối với các Sở chưa chuyển thủ tục hành chính công về Trung tâm hành chính công của tỉnh).

c) Đối với các dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng của chủ đầu tư, chủ đầu tư giao đơn vị, bộ phận chuyên môn có đủ điều kiện về năng lực thẩm định, trước khi phê duyệt.

d) Chủ đầu tư trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định về môi trường, phòng chống cháy, nổ và nội dung khác theo quy định của pháp luật.

3. Cơ quan chuyên môn về xây dựng, người quyết định đầu tư được mời tổ chức, cá nhân có chuyên môn, kinh nghiệm tham gia thẩm định thiết kế xây dựng hoặc yêu cầu chủ đầu tư lựa chọn tổ chức, cá nhân tư vấn đủ điều kiện năng lực hoạt động, năng lực hành nghề đã được đăng ký trên trang thông tin điện tử của Bộ Xây dựng, Sở Xây dựng về năng lực hoạt động xây dựng để thẩm tra thiết kế, dự toán xây dựng làm cơ sở cho việc thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng. Chi phí thẩm tra, phí thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng được tính trong tổng mức đầu tư của dự án.

4. Thời gian bắt đầu thẩm định thiết kế của cơ quan chuyên môn về xây dựng được tính từ ngày cơ quan này nhận đủ hồ sơ hợp lệ và được đăng ký tại Trung tâm hành chính công, cụ thể:

a) Không quá 40 ngày làm việc, đối với các công trình cấp đặc biệt, cấp I.

b) Không quá 30 ngày làm việc, đối với công trình cấp II và cấp III;

c) Không quá 20 ngày làm việc, đối với các công trình còn lại.

**Điều 19. Phê duyệt, điều chỉnh thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng.**

1. Đối với các dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh, thực hiện theo Quyết định số 1050/QĐ-UBND ngày 20/4/2015 của UBND tỉnh “Về việc ủy

quyền phê duyệt thiết kế cơ sở, dự toán xây dựng đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh”.

2. Đối với các dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch UBND cấp huyện, UBND cấp xã:

a) Chủ tịch UBND cấp huyện, UBND cấp xã phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình, báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình; thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng trong trường hợp thiết kế 03 bước; phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng trong trường hợp thiết kế 02 bước.

b) Chủ đầu tư phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng trong trường hợp thiết kế 03 bước.

3. Điều chỉnh thiết kế xây dựng đã được phê duyệt theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP.

#### **Chương IV**

### **LẬP, THẨM ĐỊNH, QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT DỰ ÁN ĐẦU TƯ KHÔNG CÓ CẤU PHẦN XÂY DỰNG**

**Điều 20. Lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư không có cấu phần xây dựng.**

1. Căn cứ chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền quyết định, chủ đầu tư lập Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án trình cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư. Nội dung báo cáo nghiên cứu khả thi dự án không có cấu phần xây dựng theo quy định tại Khoản 2, Điều 47 Luật Đầu tư công 2014.

2. Đối với dự án do UBND tỉnh quyết định đầu tư, Chủ tịch UBND tỉnh giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với các Tổ chức liên quan thẩm định dự án.

3. Đối với dự án UBND cấp huyện, UBND cấp xã quyết định đầu tư, Chủ tịch UBND cấp huyện giao Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì phối hợp với các tổ chức liên quan thẩm định dự án. Nội dung thẩm định theo quy định tại Khoản 2 Điều 47 Luật Đầu tư công 2014.

4. Cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư theo quy định tại Điều 39 Luật Đầu tư công 2014, quyết định đầu tư sau khi chủ đầu tư hoàn chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi theo ý kiến của cơ quan chủ trì thẩm định và điều chỉnh dự án theo quy định tại Điều 39 Luật Đầu tư công 2014.

**Điều 21. Hồ sơ, thời gian thẩm định dự án đầu tư không có cấu phần xây dựng.**

1. Hồ sơ thẩm định dự án đầu tư bao gồm:

a) Tờ trình thẩm định dự án của Hội đồng thẩm định hoặc cơ quan chủ trì thẩm định dự án đầu tư;

b) Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư;

c) Các tài liệu khác có liên quan.

2. Thời gian thẩm định dự án đầu tư không có cấu phần xây dựng không quá 15 ngày làm việc, kể từ ngày cơ quan thẩm định nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Thời gian UBND tỉnh xem xét phê duyệt dự án đầu tư không quá 05 ngày làm việc, kể từ khi Văn phòng UBND tỉnh tiếp nhận đủ hồ sơ.

## **Chương V**

### **LẬP, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT VÀ GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VÀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG HÀNG NĂM**

#### **Điều 22. Lập, thẩm định kế hoạch đầu tư công trung hạn.**

1. Căn cứ và nguyên tắc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn thực hiện theo quy định tại Điều 50, 51 Luật Đầu tư công. Nội dung báo cáo kế hoạch đầu tư công trung hạn trình cấp có thẩm quyền phê duyệt thực hiện theo quy định tại Điều 52 Luật Đầu tư công.

2. Sau khi có hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, trước ngày 15 tháng 6 năm thứ tư của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước, Sở Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn cho các cơ quan, đơn vị sử dụng vốn đầu tư công trong tỉnh lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau;

3. Cơ quan, đơn vị sử dụng vốn đầu tư công tổ chức lập, thẩm định kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau trong phạm vi nhiệm vụ được giao và nguồn vốn thuộc cấp mình quản lý báo cáo UBND tỉnh trước ngày 15 tháng 9 năm thứ tư của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước và gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 15 tháng 10 năm thứ tư của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước;

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định kế hoạch đầu tư công trung hạn của các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh trước ngày 15 tháng 11 năm thứ tư của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước và lập kế hoạch đầu tư công trung hạn của Tỉnh giai đoạn sau, trình UBND tỉnh xem xét trước ngày 30 tháng 11 năm thứ tư của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước.

5. UBND tỉnh trình HĐND tỉnh cho ý kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau, bao gồm chi tiết danh mục dự án sử dụng vốn đầu tư công và mức vốn bố trí cho từng dự án. Hoàn chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trước ngày 31 tháng 12 năm thứ tư của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước.

6. UBND cấp huyện, cấp xã giao cơ quan chuyên môn quản lý về đầu tư tổ chức lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau của cấp mình, giao phòng Tài chính – Kế hoạch thẩm định. Trình HĐND cùng cấp cho ý kiến và gửi UBND tỉnh trước ngày 15 tháng 6 năm thứ tư của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước.

7. Sau khi có ý kiến thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, UBND tỉnh có trách nhiệm:

a) Giao UBND cấp huyện, cấp xã hoàn chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn của cấp mình, báo cáo HĐND cùng cấp cho ý kiến và gửi UBND tỉnh trước ngày 31 tháng 5 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước;

b) Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư hoàn chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn của Tỉnh, báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh trước ngày 15 tháng 6 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước;

c) Hoàn chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trước ngày 30 tháng 6 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước.

### **Điều 23. Lập, thẩm định kế hoạch đầu tư công hằng năm.**

1. Căn cứ và nguyên tắc lập kế hoạch đầu tư công hằng năm thực hiện theo quy định tại Điều 50, 51 Luật Đầu tư công. Nội dung báo cáo kế hoạch đầu tư công hằng năm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt thực hiện theo quy định tại Điều 53 Luật Đầu tư công.

2. Sau khi có hướng dẫn về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và kế hoạch đầu tư công năm sau của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, trước ngày 20 tháng 7 hằng năm, Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND cấp huyện, UBND cấp xã tổ chức lập, thẩm định, tổng hợp kế hoạch đầu tư công năm sau trong phạm vi nhiệm vụ được giao và nguồn vốn thuộc cấp mình quản lý báo cáo UBND cùng cấp.

3. Trước ngày 25 tháng 7 hằng năm, UBND báo cáo HĐND cùng cấp thông qua dự kiến kế hoạch đầu tư công năm sau, bao gồm chi tiết danh mục dự án và mức vốn bố trí cho từng dự án theo từng nguồn vốn, gửi UBND cấp trên và Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo dự kiến đã được HĐND thông qua.

4. Sau khi có ý kiến thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, trước ngày 10 tháng 9 hằng năm các cơ quan, đơn vị hoàn thiện dự kiến kế hoạch đầu tư công năm sau và gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính.

### **Điều 24. Bố trí vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm cho Chương trình đầu tư công, Dự án đầu tư công.**

Nguyên tắc bố trí vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm cho Chương trình đầu tư công, Dự án đầu tư công thực hiện theo quy định tại Điều 54; điều kiện Chương trình đầu tư công, Dự án đầu tư công được bố trí vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm thực hiện theo quy định tại Điều 55; 56 Luật Đầu tư công, cụ thể như sau:

1. Chỉ được bố trí vốn cho Chương trình đầu tư công, Dự án đầu tư công đã được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư. Việc bố trí vốn phải tuân thủ quy định của pháp luật về nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn đầu tư công.

2. Chương trình đầu tư công, Dự án đầu tư công được bố trí vốn kế hoạch đầu tư công hằng năm phải có trong danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn và đã được cấp có thẩm quyền quyết định trừ dự án khẩn cấp được quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 33 của Luật Đầu tư công.

3. Vốn chuẩn bị đầu tư được bố trí để lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư dự án; lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án.

4. Vốn thực hiện dự án được bố trí để giải phóng mặt bằng, lập thiết kế kỹ thuật, lập thiết kế bản vẽ thi công, lập dự toán của dự án hoặc hạng mục của dự án và tổ chức thi công cho các dự án đã hoàn thành nhưng chưa được bố trí đủ vốn, dự án dự kiến hoàn thành, dự án đang thực hiện, dự án khởi công mới.

5. Các dự án sử dụng vốn ngân sách địa phương không do cấp mình quản lý phải được cấp có thẩm quyền thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn.

6. Việc bố trí vốn thực hiện theo thứ tự ưu tiên như sau:

a) Dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa bố trí đủ vốn; dự án dự kiến hoàn thành trong kỳ kế hoạch; vốn đối ứng cho dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư;

b) Dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt;

c) Dự án khởi công mới phải có đủ điều kiện được bố trí vốn kế hoạch theo quy định tại Điều 55 và Điều 56 của Luật Đầu tư công và sau khi đã bố trí vốn để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản theo quy định tại khoản 2 Điều 106 của Luật Đầu tư công.

### **Điều 25. Trình, phê duyệt và giao kế hoạch đầu tư trung hạn.**

1. Trước ngày 10 tháng 11 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước, UBND trình HĐND cùng cấp kế hoạch đầu tư công trung hạn, bao gồm danh mục chương trình, dự án và mức vốn bố trí cho từng dự án theo từng nguồn vốn thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn.

2. Trước ngày 20 tháng 12 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước, HĐND tỉnh quyết định kế hoạch đầu tư công trung hạn, bao gồm tổng mức vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn, danh mục và mức vốn bố trí cho từng dự án theo từng nguồn vốn.

3. Trước ngày 25 tháng 12 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước, HĐND cấp huyện, cấp xã quyết định kế hoạch đầu tư công trung hạn của cấp mình, bao gồm tổng mức vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn, danh mục và mức vốn cân đối ngân sách địa phương, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương bố trí cho từng dự án.

4. Trước ngày 31 tháng 12 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước, UBND các cấp giao kế hoạch đầu tư công trung hạn cho các đơn vị thực hiện.

### **Điều 26. Trình, phê duyệt và giao kế hoạch đầu tư hằng năm.**

1. Trước ngày 20 tháng 11 hằng năm, UBND trình HĐND cùng cấp kế hoạch đầu tư năm sau, bao gồm danh mục và mức vốn bố trí cho từng dự án theo từng nguồn vốn.

2. Trước ngày 10 tháng 12 hằng năm, HĐND tỉnh quyết định kế hoạch đầu tư năm sau của cấp mình, bao gồm danh mục và mức vốn bố trí cho từng dự án theo từng nguồn vốn.

3. Trước ngày 20 tháng 12 hằng năm, HĐND cấp huyện, HĐND cấp xã quyết định kế hoạch đầu tư năm sau của cấp mình, bao gồm danh mục và mức vốn cân đối ngân sách địa phương, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương bố trí cho từng dự án.

4. Trước ngày 31 tháng 12 hằng năm, UBND các cấp giao kế hoạch đầu tư năm sau cho các đơn vị thực hiện.

5. Lập, thẩm định, phê duyệt và giao kế hoạch đầu tư vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước; vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài thực hiện theo quy định tại Điều 69, 70, 71 Luật Đầu tư công.

## **Chương VI**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 27. Xử lý chuyển tiếp.**

1. Các Chương trình đầu tư công không phải phê duyệt chủ trương đầu tư theo quy định tại Quyết định này gồm:

a) Các Chương trình đầu tư công đã được cấp có thẩm quyền quyết định có thời gian thực hiện đến hết năm 2020, đang triển khai trong giai đoạn 2011-2015, tiếp tục triển khai thực hiện giai đoạn 2016-2020, không thay đổi mục tiêu, nội dung, phạm vi và tổng mức đầu tư.

b) Các Chương trình mục tiêu được Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư trước ngày 01 tháng 01 năm 2015, trong đó quy định cụ thể mục tiêu, nội dung, phạm vi, tổng mức đầu tư, thời gian thực hiện và mức vốn bố trí cụ thể trong giai đoạn 2016-2020.

c) Các Chương trình mục tiêu sử dụng toàn bộ vốn cân đối ngân sách địa phương, vốn trái phiếu chính quyền địa phương, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương và các khoản vốn vay khác của ngân sách địa phương đã được HĐND cấp tỉnh hoặc Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định đầu tư trước ngày 01 tháng 01 năm 2015, trong đó quy định cụ thể mục tiêu, nội dung, phạm vi, tổng mức đầu tư, thời gian thực hiện và mức vốn bố trí cụ thể trong giai đoạn 2016-2020.

2. Các dự án không phải phê duyệt chủ trương đầu tư theo quy định này, gồm:

a) Các dự án dở dang đã được bố trí vốn đầu tư công từ kế hoạch năm 2015 trở về trước, tiếp tục triển khai theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

b) Các dự án khởi công mới được bố trí kế hoạch vốn đầu tư công năm 2015, tiếp tục triển khai theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

c) Các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) đã được đưa vào danh mục theo quy định trước ngày 01 tháng 01 năm 2015.

d) Các dự án sử dụng toàn bộ vốn cân đối ngân sách địa phương, vốn trái phiếu chính quyền địa phương, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư, đã phê duyệt quyết định đầu tư, tổng mức đầu tư từ các nguồn vốn trên trước ngày 01 tháng 01 năm 2015, chưa được bố trí vốn kế hoạch, nhưng trước thời điểm Luật Đầu tư công có hiệu lực, đã được HĐND hoặc Thường trực HĐND quyết định mức vốn ngân sách cấp mình triển khai trong giai đoạn 2016-2020.

Riêng đối với các dự án đã được HĐND hoặc Thường trực HĐND đồng ý về mặt chủ trương, nhưng chưa quyết định mức vốn bố trí cụ thể trong giai đoạn 2016-2020 hoặc chưa phê duyệt quyết định đầu tư, chủ đầu tư phải hoàn thiện các thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công và hướng dẫn tại Quy định này.

đ) Các dự án có sử dụng vốn trung ương đã phê duyệt quyết định đầu tư trước ngày 01 tháng 01 năm 2015, chưa được bố trí vốn kế hoạch, nhưng trước thời điểm Luật Đầu tư công có hiệu lực, đã được cấp có thẩm quyền quyết định cụ thể mức vốn ngân sách trung ương, trái phiếu Chính phủ bố trí trong giai đoạn 2016-2020.

3. Đối với các dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt dự án, chủ đầu tư đã được giao tiếp tục thực hiện theo quyết định đã phê duyệt. Các Sở, Ngành, UBND các cấp có trách nhiệm kiểm tra, chỉ đạo các đơn vị trực thuộc được giao làm chủ đầu tư để thực hiện dự án theo quy định của pháp luật. Trường hợp đặc biệt hoặc có khó khăn vướng mắc trong tổ chức thực hiện, báo cáo UBND Tỉnh để được xem xét, giải quyết.

4. Đối với dự án chưa được cấp có thẩm quyền quyết định phê duyệt, thực hiện theo quy định tại Quy định này.

### **Điều 28. Trách nhiệm các cơ quan liên quan.**

Thủ trưởng các sở, ngành được giao quản lý và sử dụng vốn đầu tư công, Chủ tịch UBND các cấp có trách nhiệm củng cố tổ chức, phân công cụ thể lãnh đạo, cán bộ có năng lực, kinh nghiệm và trình độ chuyên môn phụ trách, theo dõi và triển khai thực hiện, đồng thời bồi dưỡng và đào tạo đội ngũ cán bộ và tổ chức thực hiện nghiêm túc các nội dung quy định tại quyết định này. Công bố công khai quy trình tiếp nhận, xử lý hồ sơ đối với từng loại thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý đầu tư công theo chức năng nhiệm vụ được giao.

Trong quá trình triển khai thực hiện quy định này, nếu có vướng mắc, cần phản ánh kịp thời về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Long